



Báo cáo thường niên
2011

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- 04. Quá trình hình thành và phát triển
- 10. Ngành nghề kinh doanh
- 12. Định hướng và phát triển
- 13. Quản trị nhân sự

BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 15. Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- 20. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 34. Hoạt động cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 36. Báo cáo của ban tổng giám đốc
- 45. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp
- 48. Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 79. Giới thiệu về HĐQT
- 85. Quản trị doanh nghiệp

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
Tên tiếng Anh : TUONG AN VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch : DẦU TƯỜNG AN
Mã chứng khoán : TAC
Trụ sở chính : 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 38 153 950 – 38 153 972 – 38 153 941 – 38151 102
Fax : (84-8) 38 153 649 – 38 157 095
Email : tuongan@tuongan.com.vn
Website : www.tuongan.com.vn
Vốn điều lệ : 189.802.000.000 đồng
(Một trăm tám mươi chín tỷ, tám trăm lẻ hai triệu đồng).

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 18.980.200 cổ phần.

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 09 năm 2004, sửa đổi lần thứ
nhất ngày 03 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 2, ngày 28 tháng 05 năm 2007.



Các Nhà máy, Chi nhánh, Văn phòng đại diện:

Nhà máy dầu Tường An:	48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
Nhà máy dầu Phú Mỹ:	Khu CN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Nhà máy Dầu Vinh:	135 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An.
Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên:	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.
Văn phòng đại diện tại Hà Nội:	Ô 32 Lô 10 Khu Di dân Đền Lừ, Phường Hoàng Văn Thụ Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
Văn phòng đại diện Miền Trung:	08 Mai Hắc Đế, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
Văn phòng đại diện Miền Tây:	40B 24 Khu Dân cư 91B Khu vực VI, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY THÔNG QUA MỘT SỐ SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY



THỜI GIAN SỰ KIỆN

- Từ 1975 đến 09/2004 Nhà máy dầu Tường An là Doanh nghiệp nhà nước
- Năm 2004 Nhà máy dầu Tường An được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (01/10/2004). Triển khai Dự án Xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày theo tiêu chuẩn GMP và HACCP.
- Năm 2005 Khởi công xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày (29/07/2005).
- Năm 2006 Cổ phiếu Tường An với mã chứng khoán TAC chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (26/12/2006).
- Năm 2008 Chính thức đưa NM Dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động sản xuất vào tháng 11/2008.
- Năm 2009 Hoàn tất đầu tư bổ sung dây chuyền thiết bị phân đoạn 400 tấn/ngày tại NM Dầu Phú Mỹ đưa vào hoạt động sản xuất tháng 02/2009.

CÁC DANH HIỆU

SỰ KIỆN

- 1 - Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 3
Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 2
Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 1
- 2 - Bộ Công thương (trước là Bộ Công nghiệp) khen tặng cờ thi đua xuất sắc
- 3 - Chính phủ khen tặng cờ thi đua xuất sắc.
- 4 - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng cờ thi đua xuất sắc.
- 5 - Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.
- 6 - Topten Hàng tiêu dùng Việt Nam được yêu thích nhất (do bạn đọc báo đại đoàn kết bình chọn)
- 7 - Đạt giải thưởng "Hàng Việt Nam Chất lượng - Uy tín" (do báo Đại Đoàn Kết tổ chức)
- 8 - Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.
- 9 - Top 100 thương hiệu ấn tượng do Báo Sài Gòn tiếp thị bình chọn
- 10 - Đạt Thương hiệu Việt yêu thích do bạn đọc báo Sài Gòn Doanh nhân bình chọn
- 11 - Đạt danh hiệu Thương hiệu mạnh do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.
- 12 - Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam (do Phòng TM&CN VN phối hợp với Công ty NCTT AC Nielson và FTA tổ chức bình chọn)

THỜI GIAN

- Năm 1990
- Năm 1995
- Năm 2000
- Năm 1987-1989, 1991-1997, 2003-2004, 2006-2009
- Năm 1998, 2001, 2005, 2010
- Năm 1986, 1990, 2004
- Từ năm 1997 đến 2011
- Từ năm 1994 đến 1999
- Năm 2000
- Năm 2004, 2006, 2007, 2008, 2010, 2011
- Năm 2004
- Năm 2004
- Từ năm 2004 đến 2009
- Năm 2006, 2008, 2010

CÁC DANH HIỆU



SỰ KIỆN

- 13 - Nhận hiệu nổi tiếng quốc gia do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức bình chọn.
- 14 - Doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCK Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.
- 15 - Đạt Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do chuyên trang Báo điện tử Vietnamnet tổ chức.
- 16 - Đạt Top 204 sản phẩm Việt Nam tốt nhất do người tiêu dùng bình chọn của báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức
- 17 - Đạt Top 100 doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ tiêu biểu Việt Nam 2010 do Bộ Công thương bình chọn
- 18 - Top 500 Doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất
- 19 - Thương hiệu chứng khoán uy tín
- 20 - Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu
- 21 - Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2011 (do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức).
- 22 - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2011 (do hội doanh nghiệp trẻ TW tổ chức).

THỜI GIAN

- Từ năm 2007 đến 2011
- Năm 2008
- Từ năm 2009 đến 2011
- Năm 2010
- Năm 2010
- Năm 2010-2011
- Năm 2007, 2008, 2010, 2011
- Năm 2011
- Năm 2011
- Năm 2011





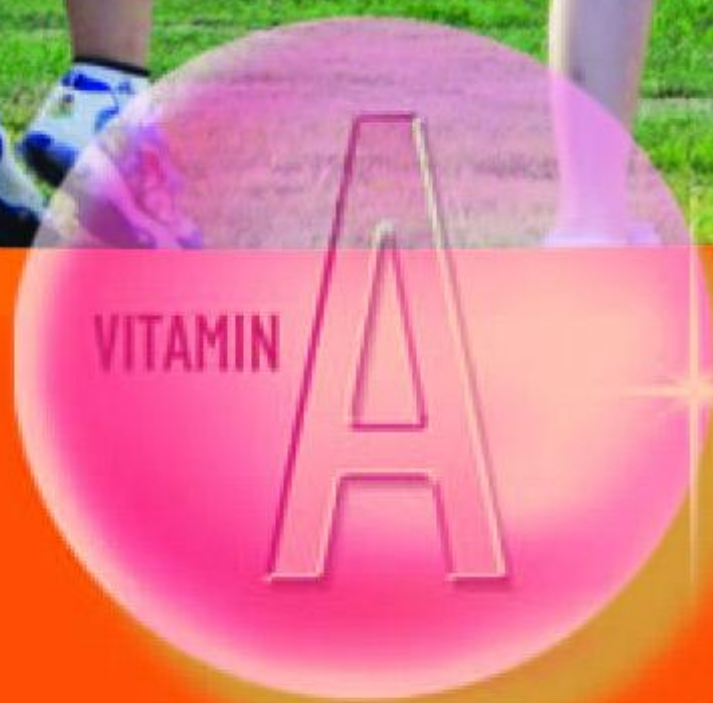
Dầu ăn dinh dưỡng



ViO Extra - Sản phẩm từ lòng yêu thương!

*Dành cho trẻ từ 6 tháng đến 8 tuổi.
Tăng cường dưỡng chất, giúp trẻ phát triển trí não,
thông minh, mắt sáng và cơ thể khỏe mạnh.
Cho bé một khởi đầu tốt đẹp, cho mẹ trọn vẹn niềm tin yêu.*

ng trẻ em thể hệ mới





Olive

Không chỉ

*Từ những trái Olive thượng
ép lạnh cho ra đời sản phẩm
nguyên chất 100%, lưu giữ
thiên nhiên, không chỉ giữ
rất tốt cho sức khỏe và sắc*

100% dầu Olive Lưu giữ các dưỡng

Tường An

Chỉ là dầu ăn!

*ong hạng, kết hợp với công nghệ
hâm dầu Olive Tường An
giữ các dưỡng chất quý giá từ
iúp món ăn ngon hơn, mà còn
ắc đẹp.*



***e nguyên chất.
rõng chất từ thiên nhiên.***



■ ■ ■ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm mì ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hoá (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ:

Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về đa dạng hóa và chất lượng sản phẩm.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH:

Chiến lược ngắn hạn:

- Xây dựng phát triển và giữ vững uy tín thương hiệu Tường An trong ngành thực phẩm thông qua việc phát triển những dòng sản phẩm có chất lượng tốt, tối ưu nhất phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng riêng của người Việt.
- Chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa cũng như thị trường xuất khẩu.
- Khai thác có hiệu quả công suất của các Nhà máy.
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.
- Đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì. Song song với việc phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thống, tập trung phát triển những nhãn hàng cao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như đem lại lợi nhuận cho Công ty.



Chiến lược trung hạn:

Từng bước hoàn thiện bộ máy kinh doanh của Công ty trở nên hiệu quả và gọn nhẹ, quản lý bán hàng và xây dựng bộ máy tiếp thị chuyên nghiệp nhằm tăng doanh số, đa dạng nhãn hàng, chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu trong ngành dầu thực vật.

Chiến lược dài hạn:

Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng thiết bị kỹ thuật bảo đảm sản lượng và chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ và đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng. Phát triển Công ty trở thành Công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại thị trường Việt Nam.



Định hướng chiến lược nhân sự:

Quản trị nhân sự là vấn đề luôn được đặt lên hàng đầu, với quan điểm:

“Công ty có phát triển và lớn mạnh hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên có năng lực, giàu kinh nghiệm và sáng tạo, tâm huyết với công việc, đoàn kết, cùng nhìn về một hướng là tài sản lớn nhất Công ty có được”.

Công ty có các chính sách nhất quán trong công tác quản lý nhân sự như sau:

- Tạo môi trường làm việc cạnh tranh thân thiện, thoải mái để nhân viên phát huy sáng tạo đổi mới. Xây dựng các chuẩn mực văn hóa Công ty tạo tiền đề cho sự đổi mới trong văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử thanh lịch phù hợp với xã hội hiện đại.
- Trọng dụng lao động có năng lực chuyên môn giỏi, có chế độ đãi ngộ xứng đáng với người lao động; xây dựng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý.
- Đặc biệt quan tâm đến việc đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.

Chính sách đối với người lao động

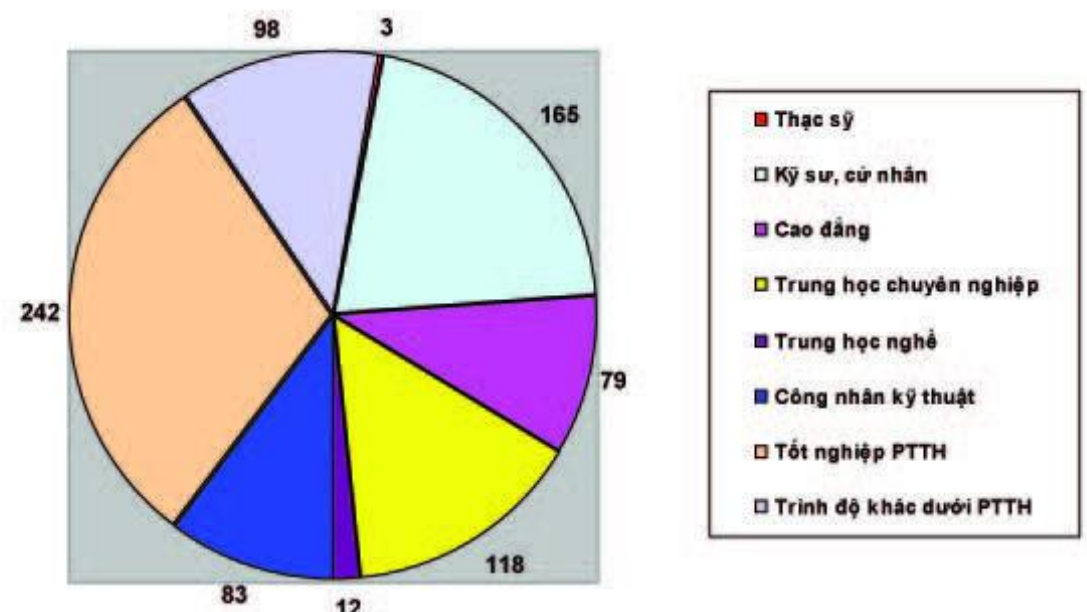
- Phân công lao động hợp lý đúng năng lực chuyên môn giúp nhân viên phát huy hết khả năng của mình. Bên cạnh đó khuyến khích nhân viên tìm tòi học hỏi, am hiểu thêm những lĩnh vực khác nhằm tăng khả năng linh hoạt trong giải quyết công việc và dễ dàng đảm nhiệm công việc khác khi cần thiết thay đổi.
- Thường xuyên bố trí, cử nhân viên tham dự các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ giúp nhân viên cập nhật kiến thức kịp thời và làm tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2011, Công ty đã có một số chính sách

cụ thể như sau:

- Sắp xếp lại lao động của Nhà máy dầu Tường An, điều chuyển lao động cho Nhà máy dầu Phú Mỹ phù hợp với tình hình sản xuất hiện tại.
- Đào tạo đội ngũ giám sát, nhân viên bán hàng trở nên chuyên nghiệp việc thích ứng với thị trường.
- Tuyển mới, đào tạo thay thế kịp thời nhân sự cho các vị trí còn thiếu.
- Có chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề gắn bó với Công ty.
- Hoàn thiện quy chế tiền lương để nâng cao năng lực quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Stt	Diễn giải	Số lượng	Ghi chú
1	Thạc sỹ	3	
2	Kỹ sư, cử nhân	165	
3	Cao đẳng	79	
4	Trung học chuyên nghiệp	118	
5	Trung học nghề	12	
6	Công nhân kỹ thuật	83	
7	Tốt nghiệp phổ thông trung học	242	
8	Trình độ khác dưới phổ thông trung học	98	
Tổng cộng		800	



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Tâm Nhìn.

“Thành công không phải đã đến đích, thành công chỉ là bước khởi đầu cho những thách thức mới”

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật và thực phẩm tại Việt Nam với những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng nhằm phục vụ tốt nhất cho cuộc sống xã hội và con người Việt Nam.

2. Sứ mệnh.

“Nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại dinh dưỡng và sức khỏe cho cuộc sống”

Tường An luôn cam kết mang đến cho xã hội những sản phẩm có chất lượng tốt nhất bằng chính sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình cho sức khỏe, cuộc sống của người tiêu dùng và xã hội.

3. Giá trị cốt lõi:

a. Tôn trọng:

“Nhu cầu được tôn trọng là nhu cầu cao nhất của con người”

Tường An luôn trân trọng người tài, khích lệ người sáng tạo, tri ân người tâm huyết, khen thưởng người đạt kết quả tốt vì sự phát triển bền vững của Công ty.

b. Hòa hòa các lợi ích:

“Tất cả cùng chiến thắng - Tất cả cùng có lợi”

Tường An luôn tâm niệm: Lợi ích lâu dài chỉ có được khi chúng ta biết chia sẻ, hòa hòa lợi ích giữa xã hội, khách hàng, đối tác, cổ đông và nhân viên trong Công ty. Đây là giải pháp để gìn giữ lợi ích và phát triển bền vững nhất.



c. Ý chí:

“Thắng không kiêu, bại không nản”

Luôn kiên định với định hướng phát triển của Công ty, vượt qua những khó khăn và thử thách để đạt được mục tiêu đề ra.

d. Hiệu quả:

“Chủ động trong kinh doanh, quản lý chặt chẽ, tìm kiếm lợi ích lâu dài”

Tất cả các hoạt động của Tường An đều quan tâm đến hiệu quả và đem lại giá trị tăng thêm vì mục đích cho sự phát triển bền vững của Công ty.

e. Cởi mở:

“Thăng thân, hòa đồng, chia sẻ kinh nghiệm”

Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đóng góp chân thành là động lực cho sự phát triển bền vững của Tường An.

f. Chính trực:

“Thẳng đường mà tiến”

Kinh doanh tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng các chuẩn mực, quy định quản lý của Nhà nước, minh bạch trong hoạt động tài chính đó là phương châm hoạt động của chúng tôi.

4. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT:

Kính thưa quý vị cổ đông

- Năm 2011 do tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới và trong nước dẫn đến tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam tăng rất cao 18,58% đây chính là mối quan tâm hàng đầu trong việc điều hành kinh tế tài chính của năm qua.

- Lãi suất ngân hàng luôn ở mức cao tạo áp lực lớn về chi phí sử dụng vốn ở các doanh nghiệp. Thiếu vốn, khan tiền là bài toán mà người quản lý tài chính

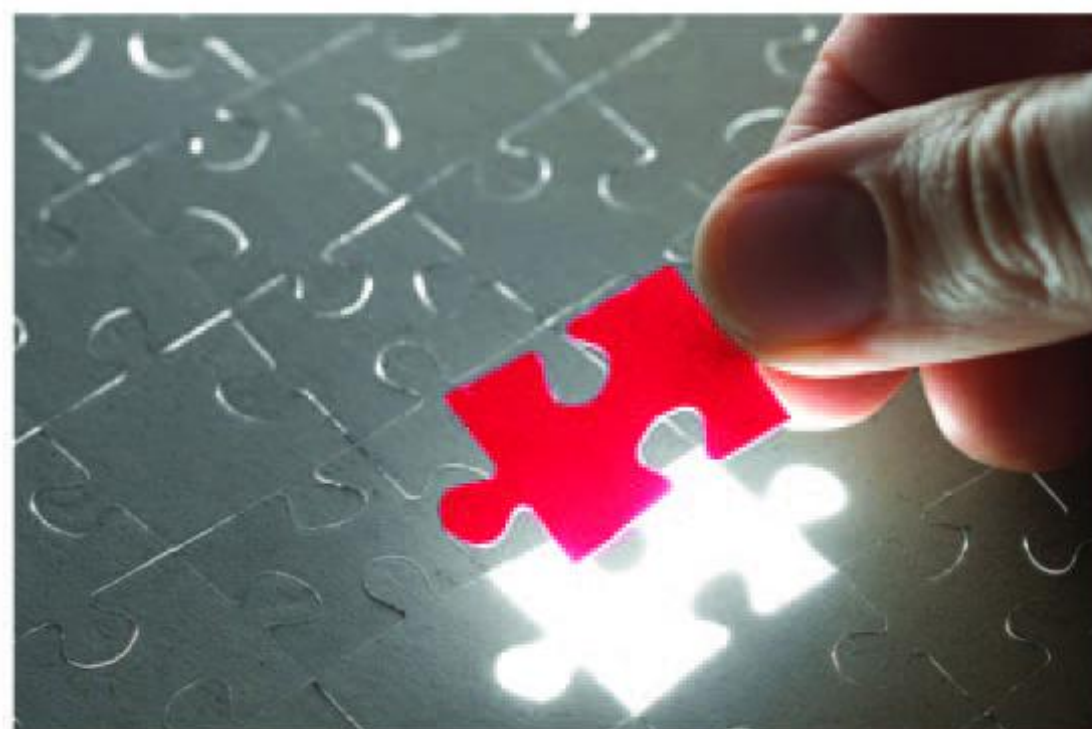


liên tục tìm phương pháp giải quyết trong năm qua.

- Về tình hình thị trường, trong năm 2011 kinh tế hết sức khó khăn và ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm.

Trước những khó khăn trên Tường An đã có nhiều cố gắng và đạt được kết quả đáng khích lệ như sau:

Công tác thị trường: Công ty củng cố hệ thống bán hàng hiện có và phát triển thêm hệ thống phân phối mới, xây dựng đội ngũ bán hàng và tiếp thị thích



nhghi tốt với thị trường, đồng thời triển khai kế hoạch tiếp thị có hiệu quả.

Mặt khác do sự phát triển của kênh mua sắm hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng tăng, Tường An đầu tư chú trọng và phát triển kinh doanh tại phân khúc thị trường này.

Với định hướng mục tiêu Công ty nằm trong nhóm dẫn đầu tại Việt Nam về ngành thực phẩm có lợi cho sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là ngành dầu thực vật. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ với thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến, Công ty có năng lực sản xuất chế biến nhiều chủng loại dầu thực vật với chất lượng tốt nhất, đặc biệt nhóm sản phẩm cao cấp, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng đa dạng của xã hội. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.

Với những thành quả trên, năm 2011 Tường An là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2011

(DVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2010	% thực hiện	
	A	B	C	[A/B]	[A/C]
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	137.548	145.000	137.953	94,86%	99,71%
Tổng doanh thu	4.432	3.078	3.257	143,99%	136,08%
Lợi nhuận trước thuế	28,57	55,64	104,18	51,35%	27,42%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	1.323	2.804	4.619	47,18%	28,64%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2011

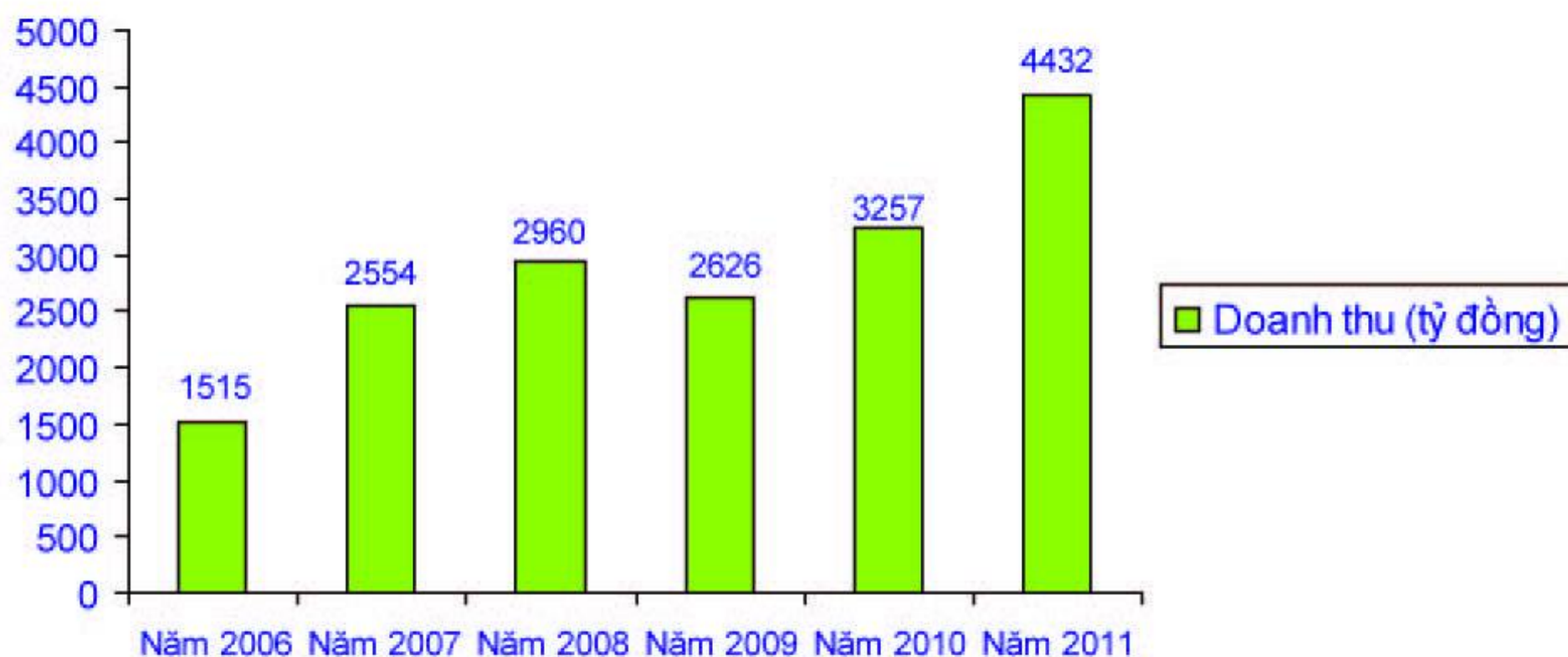
Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2007
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)					
Doanh thu thuần	4.432	3.257	2.626	2.960	2.554
Lợi nhuận gộp	333	385	229	155	212
Lợi nhuận từ HĐSXKD	27	102	24	4	125
Lợi nhuận sau thuế	25	88	23	12	126
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)					
Tổng tài sản	1.031	944	647	687	837
Tài sản cố định	261	262	264	276	225
Tổng nợ phải trả	679	574	356	378	476
Tài sản thuần	352	370	291	309	361
Chỉ số tài chính					
ROE	7,2%	23,7%	7,9%	3,9%	35,5%
ROA	2,4%	9,3%	3,6%	1,7%	15,0%
Nợ / Vốn chủ sở hữu	192,8%	155,4%	122,4%	123,1%	134,4%
Tính trên 1 cổ phiếu (đồng)					
Thu nhập trên 1 cổ phần EPS	1.329	4.619	1.214	624	6.623
Giá trị sổ sách	18.551	19.479	15.329	16.167	18.643
Cổ tức (%)	16%	20%	14%	20%	20%

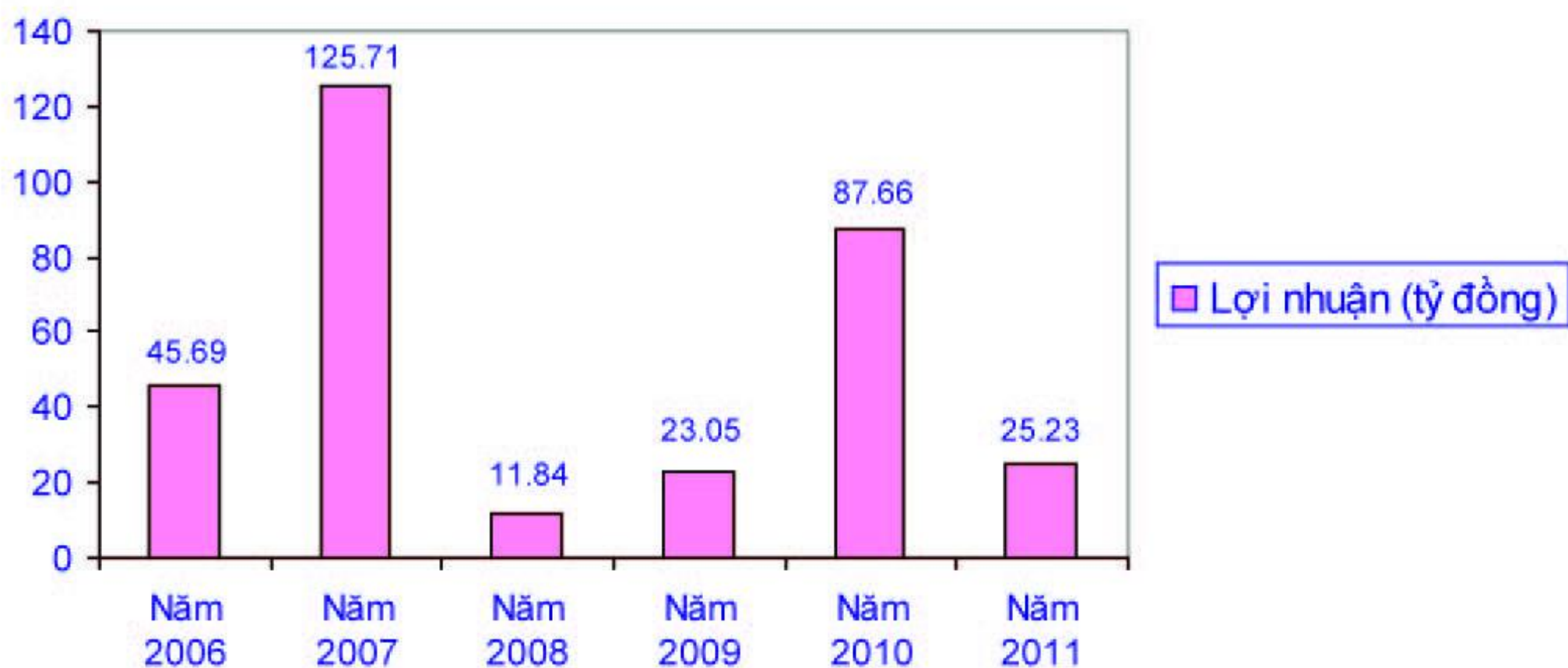


BIỂU ĐỒ DOANH THU

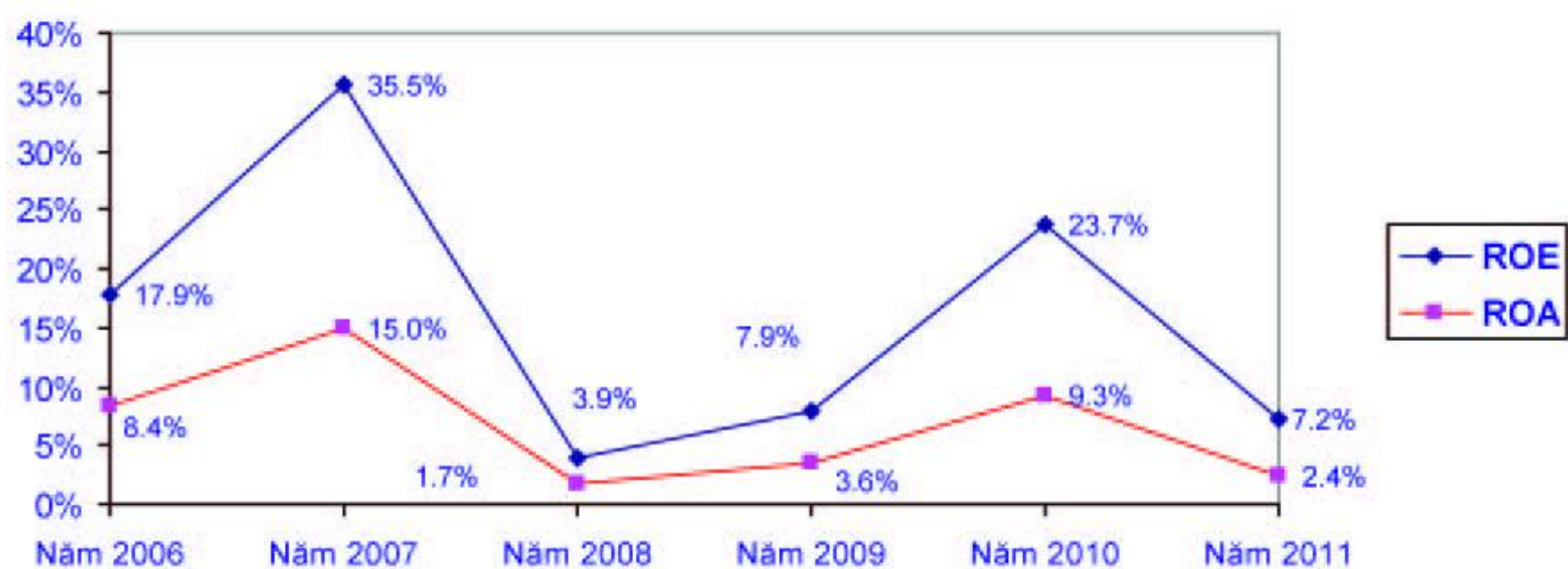
Biểu đồ doanh thu :



Biểu đồ lợi nhuận sau thuế :



Biểu đồ chỉ số tài chính :



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XÂY DỰNG CƠ BẢN MỘT SỐ HẠNG MỤC LỚN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2011

(ĐVT: Triệu đồng)

Stt	Dự án	Giá trị dự toán	Đã thanh toán	Giá trị chưa thực hiện
1	Dây chuyền chiết dầu chai 5.000chai/h NM Dầu Phú Mỹ	25.988	12.257	13.731
2	Di dời, xây lắp nhà xưởng 60 T/ngày (từ NM Dầu Tường An ra NM Dầu Phú Mỹ)	8.790	4.511	4.279
3	Di dời dây chuyền Short -Mar (từ NM Dầu Tường An ra NM Dầu Phú Mỹ)	1.366	966	400

Cổ tức.

Với kết quả kinh doanh năm 2011 và thu nhập chưa phân phối còn lại của các năm 2010 chuyển sang, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức cho năm 2011 là 16% chi trả bằng tiền mặt cho mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 đồng (1.600 đồng/cổ phần), bằng mức cổ tức theo kế hoạch 16%.

Hội đồng quản trị có ý định duy trì chính sách trả cổ tức cao hơn mức lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, mức cổ tức thực tế cho từng năm sẽ được xem xét dựa trên kết quả kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển mở rộng và đầu tư mới trong tương lai, để đảm bảo Công ty luôn phát triển ổn định và bền vững.

Thay lời kết.

Năm 2011, mặc dù Tường An không đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn có hiệu quả, thương hiệu Tường An và thị trường tiêu thụ sản phẩm dầu ăn Tường An được củng cố. Ngoài sự phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành còn nhờ có sự tin cậy và động viên của toàn thể quý cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh, thay mặt Hội đồng quản trị chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể quý vị.

Hội đồng quản trị cũng xin gửi lời cảm ơn đến toàn thể CBCNV Công ty và mong muốn tất cả các thành viên trong Công ty chúng ta tiếp tục phát huy hết khả năng của mình cho sự phát triển của Tường An trong năm 2012 và tương lai.

Tin tưởng trong năm 2012, tuy còn một số khó khăn và thách thức, nhưng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, của Ban điều hành, sự chung sức chung lòng của toàn thể CBCNV Công ty, đặc biệt giá trị thương hiệu Tường An, chất lượng sản phẩm Tường An được người tiêu dùng tin nhiệm sẽ tiếp tục chấp cánh cho những cơ hội mới, phát triển và mở rộng thị trường, lợi nhuận, giá trị cổ phiếu của Tường An sẽ đáp ứng kỳ vọng của quý vị cổ đông.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần năm 2011 của Tường An tăng 36,08% so với năm 2010, kết quả đạt được này là do giá bán cao hơn so với năm 2010. Sản lượng tiêu thụ không đổi đây cũng là sự nỗ lực rất lớn của Công ty khi gìn giữ được thị phần trong nền kinh tế khó khăn của năm 2011.

Doanh thu năm 2011 là 4.432 tỷ đồng tăng so với doanh thu 2010 là 1.175 tỷ đồng, trong khi giá vốn năm 2011 là 4.100 tỷ đồng tăng 1.227 tỷ đồng so với giá vốn năm 2010. Chi phí giá vốn tăng cao hơn doanh thu là do chi phí mua nguyên vật liệu tăng cao trong khi giá bán không thể tăng tương ứng. Dẫn đến lợi nhuận gộp của Tường An chỉ đạt 51,35% kế hoạch và đạt 27,42% so với cùng kỳ năm 2010.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tăng so với cùng kỳ năm 2010 từ 3,50 tỷ đồng lên



4,49 tỷ đồng, tương ứng tăng 28%. Doanh thu tài chính tăng do lãi tiền gửi thu được của năm 2011 tăng hơn so với năm 2010, Công ty đã tính toán quay vòng vốn nhanh và đa dạng hóa hình thức tiền gửi.

Chi phí tài chính

Tăng cao so với năm 2010 từ 30,62 tỷ đồng lên 53,49 tỷ đồng, chủ yếu là do chi phí lãi vay ngân hàng tăng lên từ 18,30 tỷ đồng lên 41,90 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng trong năm 2011 là 204,26 tỷ đồng giảm 2,95 tỷ so với năm 2010 (207,22 tỷ đồng).

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 là 26,78 tỷ đồng, đạt 26,28% so với năm 2010 (năm 2010 là 101,86 tỷ đồng).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chỉ số tài chính

Khả năng thanh toán:

Stt	Nội dung	Năm 2011	Năm 2010
1	Khả năng thanh toán tức thì	0,16	0,24
2	Khả năng thanh toán nhanh	0,30	0,40
3	Khả năng thanh toán hiện hành	1,19	1,31

+ Các chỉ số về khả năng thanh toán của năm 2011 đều giảm so với năm 2010 cho thấy Công ty đang thiếu vốn hoạt động rất nhiều nên phải sử dụng vốn vay ngắn hạn ngân hàng.

Khả năng sinh lời

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2011 đạt 7,16% đạt 30% so với năm 2010 (năm 2010 là 23,71%).

So sánh với ngành

Tường An là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam với hệ thống bán hàng được bao phủ cả nước, sản phẩm đa dạng có thể cạnh tranh tốt với các đối thủ cũng như phục vụ được nhiều nhu cầu khác nhau của khách hàng. Tuy nhiên trong lĩnh vực quảng cáo và marketing sản phẩm Tường An còn nhiều hạn chế so với các Công ty liên doanh và Công ty nước ngoài, trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực này.



■ ■ ■ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. *Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh*

Tổng quan

Năm 2011, Tường An là một trong những công ty dẫn đầu trong ngành dầu thực vật Việt Nam. Với 03 nhà máy sản xuất, một đặt tại TP.HCM, một đặt tại Khu CN Phú Mỹ 1 tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và một đặt tại Thành phố Vinh tỉnh Nghệ An với tổng công suất thiết kế khoảng 800 tấn/ngày. Các sản phẩm của Tường An phục vụ được hầu hết các nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng với các nhóm sản phẩm chính gồm: Nhóm dầu chiên xào, Nhóm dầu cao cấp, Nhóm dầu dinh dưỡng, Nhóm dầu đặc.

chủ lực cần phải giữ vững và phát triển hơn nữa trong những năm tới.

Nhóm dầu cao cấp

Bao gồm dầu nành, dầu mè, dầu phộng, dầu Canola (dầu hạt cải), dầu Olive là những sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng với sản lượng tiêu thụ ngày càng ổn định và có xu hướng tăng do đời sống người dân ngày càng được nâng cao.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước người tiêu dùng ngày càng quan tâm bảo vệ sức khỏe nhiều hơn, đây là yếu tố quan trọng để nhóm dầu cao cấp phát triển mạnh mẽ, năm 2011 Tường An đưa ra sản phẩm dầu Olive, đây là dòng sản phẩm



Nhóm dầu chiên xào

Là sản phẩm truyền thống của Tường An bao gồm các sản phẩm chính sau: Dầu Cooking oil, Vạn Thọ, dầu dừa, dầu Olein tinh luyện, dầu Olita là những sản phẩm chiếm thị phần lớn thị trường trong nước và trong cơ cấu sản phẩm của Công ty về sản lượng và doanh thu. Nhóm sản phẩm dầu chiên xào có mức độ cạnh tranh rất cao do tính thông dụng của sản phẩm, hiện có rất nhiều công ty dầu trong nước tham gia sản xuất và kinh doanh. Năm 2011 Tường An đã rất thành công với nhóm sản phẩm này, đây là nhóm sản phẩm

cao cấp không chỉ tốt cho tim mạch mà còn có tác dụng làm mỹ phẩm. Trong tương lai nhóm này sẽ trở thành nhóm dầu chủ lực của công ty trong cơ cấu sản phẩm tạo ra lợi nhuận.

Nhóm dầu dinh dưỡng

Sản phẩm dầu dinh dưỡng được coi là bước đột phá trong ngành dầu Việt Nam thông qua việc nghiên cứu bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn nhằm tăng cường sức khỏe, cải thiện thể chất, trí thông minh cho người sử dụng đặc biệt dành trẻ em

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

và người cao tuổi. Các sản phẩm dầu dinh dưỡng của Tường An có uy tín và được người sử dụng tin dùng như Dầu ViO, Season.

Năm 2011 Công ty đã cải tiến sản phẩm Vio thành Vio Extra với chất lượng và mẫu mã cao cấp được các bà mẹ tin dùng.

Nhóm dầu đặc

Chế biến từ hỗn hợp các loại dầu thực vật lòng giàu dinh dưỡng được tinh luyện để trở thành hỗn hợp dầu đặc theo nhu cầu sử dụng của khách hàng.

Margarine Tường An có hương vị thơm ngon tinh khiết, giàu - Caroten, được sử dụng phổ biến để làm bánh, bắt bông kem hoặc ăn với bánh mì. Tường An giữ vị trí hàng đầu trong nước đối với sản phẩm Magarine trên thị trường.

Shortening Tường An được sử dụng trong công nghiệp sản xuất bánh kẹo, chế biến mì ăn liền. Mặt hàng này có sự cạnh tranh rất quyết liệt chủ yếu là cạnh tranh về giá. Năm qua sản lượng Shortening bị giảm sút so với các năm trước.

Sản phẩm Margarine và Shortening cân bằng dinh dưỡng, không có hàm lượng trans và giảm calori phù hợp với người béo phì, người mắc bệnh tim mạch.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Biến động của nền kinh tế

Năm 2011 nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với tình hình lạm phát kéo dài, lãi suất ngân hàng tăng cao, vốn hoạt động thiếu hụt trầm trọng, sức mua giảm ... đó là tình hình chung của các doanh nghiệp

Đối với ngành dầu, ngoài những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng của xã hội làm cho sản lượng bán ra không tăng, tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

Nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật

Do khung khoảng kinh tế nhu cầu tiêu thụ dầu thực

vật tại Việt Nam không tăng, nhu cầu tiêu thụ sẽ tăng khi nền kinh tế ổn định và phát triển. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm nhiều đến sức khỏe và sử dụng những sản phẩm dầu thực vật nhiều hơn, đặc biệt là các sản phẩm dầu thực vật chất lượng cao và có bổ sung vi chất, Vitamin như: Dầu Nành, Dầu Mè, Dầu Phộng, Canola, Season, ViO, Olive ... Các vùng nông thôn của Việt Nam ngày càng sử dụng dầu thực vật thay thế mỡ động vật trong bữa ăn hàng ngày, đây là một thị trường rộng lớn cho sự phát triển của ngành dầu thực vật trong những năm tiếp theo.

Cạnh tranh

Thị trường dầu thực vật tại Việt Nam ngoài sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các công ty đã có từ lâu đời, nay còn xuất hiện thêm các công ty tư nhân, cơ sở sản xuất và các công ty thương mại nhập khẩu đóng bao bì để bán. Mặc dù vậy, năm 2011 sản lượng tiêu thụ của Công ty vẫn giữ được ổn định như năm 2010.

Công suất thiết kế

Tổng công suất thiết kế của các công ty trong ngành dầu thực vật Việt Nam đã đáp ứng hầu hết nhu cầu tiêu thụ trong nước cho hiện tại và trong 5 năm tiếp theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Hệ thống phân phối:

Thị trường nội địa:

Thị trường dầu thực vật Việt Nam có nhiều tiềm năng, tiêu thụ dầu thực vật bình quân đầu người tại Việt Nam hiện nay khoảng 5,5 kg/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật trên thế giới bình quân khoảng 13kg/năm. Xu hướng trong tương lai khi chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao sản phẩm dầu thực vật sẽ dần thay thế hoàn toàn mỡ động vật thì lượng dầu tiêu thụ của người Việt sẽ cao hơn. Nhận thấy tiềm năng rất lớn của ngành nên có rất nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường dầu thực vật dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt hơn. Vì vậy Tường An luôn hiểu và phát huy những thế mạnh của mình trên thị trường.

Thị trường xuất khẩu:

Tường An tập trung khai thác thị trường nội địa là chủ yếu, công tác xuất khẩu vẫn tập trung ổn định vào các thị trường truyền thống bên cạnh phát triển thêm thị trường mới.

4. Lợi thế cạnh tranh:

Kinh nghiệm:

Là đơn vị tiên phong có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu thực vật tại Việt Nam, với 34 năm xây dựng và phát triển đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

Hệ thống quản lý và nhân sự:

Hệ thống quy trình quản lý được điều hành bởi đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm và nhân viên có năng lực, được đào tạo huấn luyện và cập nhật kiến thức bán hàng, tiếp thị bài bản, chuyên nghiệp là một trong những yếu tố giúp cho Công ty phát triển nhanh chóng và vững chắc.



Lợi thế về quy mô:

Với quy mô sản xuất ngày càng lớn, Tường An đã chiếm lĩnh thị phần cao trong các phân khúc sản phẩm, đặc biệt trong phân khúc dầu ăn cao cấp như Dầu Mè, Margarine và dầu ViO dành cho trẻ em.

Sở hữu thương hiệu mạnh Tường An:

Là một thương hiệu mạnh dẫn đầu trong ngành dầu thực vật về mức độ tin cậy và tín nhiệm của người tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm dầu ăn thông thường (Cooking), dầu ăn cao cấp (Mè, Phộng, ViO) và Margarine.

Mạng lưới phân phối và bán hàng:

Hệ thống phân phối phù hợp, chính sách bán hàng linh hoạt đã giúp cho sản phẩm của Tường An có mặt rộng khắp trên thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

Các kênh phân phối hiện nay của Tường An:

- + Kênh truyền thống thông qua các chợ, các điểm bán lẻ.
- + Kênh hiện đại thông qua các siêu thị, trung tâm thương mại.
- + Kênh trực tiếp cung cấp sản phẩm cho một số khách hàng.

Trong tương lai khi mà xu hướng tiêu dùng ngày một hiện đại, người mua sẽ tìm đến các trung tâm thương mại, siêu thị nhiều hơn thì đây là một kênh phân phối Tường An cần phải chú trọng đầu tư phát triển.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Liên tục đầu tư và phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Thiết bị và công nghệ sản xuất: Sở hữu công nghệ, thiết bị hiện đại hàng đầu thế giới.



**“Ngon thật ngon
Giòn thật giòn”**



CookingOil



Là sản phẩm hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế theo công thức đặc biệt có thể sử dụng ở nhiệt độ cao mà vẫn đảm bảo thức ăn thơm ngon và đầy đủ chất dinh dưỡng. Chuyên dùng để chiên giòn, xào và nấu thức ăn. Đây là sản phẩm chủ lực của Tường An và đã được người tiêu dùng trên mọi miền đất nước tin dùng trên 20 năm qua

VanThọ



Là sản phẩm dầu hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu Nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế một cách hoàn hảo dùng để chiên xào làm chính thức ăn. Dầu Vạn thọ mang lại cho người tiêu dùng lựa chọn đa dạng và phong phú cho nhu cầu sử dụng dầu ăn.

Olita



Là loại dầu thực phẩm hỗn hợp tinh luyện dùng để chiên xào. Dầu Olita mang lại sự phong phú cho sự lựa chọn cũng như đặc tính vùng miền trong nhu cầu sử dụng dầu ăn của người tiêu dùng.

Dầu Nành

Tốt cho tim mạch

Giàu

☾ Omega - 3

☾ Omega - 6

100%
dầu đậu nành



Dầu Mè



Là loại dầu ăn có giá trị dinh dưỡng cao, được chế biến từ hạt Mè nguyên chất đã qua tinh luyện, dùng để trộn salad, rau, củ, quả, dùng làm gia vị ướp thực phẩm, chiên xào ... đặc biệt rất tốt cho người già và trẻ em. Đây là loại dầu có hàm lượng tiền chất DHA và EPA cao tốt cho sức khỏe. Nguyên liệu 100% là dầu mè nguyên chất.

Dầu Phộng



Dầu phộng có giá trị dinh dưỡng cao và đã gắn bó với văn hóa ẩm thực và truyền thống của người Việt Nam từ những ngày đầu trong việc dùng dầu thực vật để chế biến thức ăn, 100% nguyên liệu được ép ra từ hạt đậu phộng. Dầu phộng dùng để chiên giòn, xào nấu các món ăn và làm nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm.

Dầu Nành



Được tinh chế từ 100% dầu Nành nguyên chất với công nghệ hiện đại. Chứa hàm lượng acid béo không no Omega-3 và Omega-6 cao giúp phòng ngừa các chứng bệnh liên quan đến tim mạch. Ngoài ra dầu Nành còn cung cấp và giúp hấp thụ tốt các Vitamin tan trong dầu, các tác dụng chống Oxy hóa tự nhiên, bảo vệ tế bào, chống lão hóa và kéo dài tuổi thọ.

ViO Extra

DHA

DẦU ĂN DINH DƯỠNG TRẺ EM

THỂ HỆ MỚI



ViO Extra

Sản phẩm từ lòng yêu thương!

*Dành cho trẻ từ 6 tháng đến 8 tuổi.
Tăng cường dưỡng chất, giúp trẻ phát triển trí não,
thông minh, mắt sáng và cơ thể khỏe mạnh.
Cho bé một khởi đầu tốt đẹp, cho mẹ trọn vẹn niềm tin yêu.*



CANOLA



Được sản xuất từ 100% dầu hạt cải tinh luyện, đây cũng là sản phẩm đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng. Trong thành phần của dầu Canola có chứa hàm lượng các Acid béo chưa bão hòa cao, có tác dụng đốt cháy chất béo dư thừa trong cơ thể, rất phù hợp cho người ăn kiêng, người muốn giảm cân.

Dầu Canola thích hợp cho món xào, món canh, món salad trộn... Với tác dụng đặc biệt, sản phẩm dầu ăn dành cho người ăn kiêng Dầu Canola đã thu hút được sự chú ý của người nội trợ, đặc biệt là những phụ nữ trẻ tuổi



Được phối trộn theo tỷ lệ thích hợp giữa dầu mè, dầu hạt cải tinh luyện và dầu gấc nguyên chất có bổ sung DHA theo nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị RDA Việt Nam, giàu vitamin A&E tự nhiên giúp trẻ có thể chất khỏe mạnh, mắt sáng, thông minh và phát triển tốt về chiều cao.

Dầu mè và dầu hạt cải là loại dầu dinh dưỡng cao cấp chứa nhiều axit béo thiết yếu Omega-3, Omega-6 cần thiết cho cơ thể, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em đang phát triển và hạ lượng cholesterol trong máu với người cao tuổi.



Dầu Season là sản phẩm dầu ăn cao cấp duy nhất tại Việt Nam được phối trộn từ dầu Nành và Dầu Phộng tinh luyện có bổ sung Vitamin A và D rất tốt cho sức khỏe, Dầu Season dùng để chiên, xào và trộn salad. Ngoài việc được bổ sung Vitamin A và D trong thành phần chứa hàm lượng cao các acid béo không no Omega 3 và Omega 6 giúp cho xương phát triển vững chắc, cơ thể khỏe mạnh, chống lão hóa...

Dầu Dừa



Được sản xuất từ 100% dầu dừa nguyên chất đã được tinh luyện, dầu dừa phục vụ cho nhiều nhu cầu tiêu dùng khác nhau như chiên xào nấu các món thức ăn trong bữa ăn gia đình và dùng làm nguyên liệu cho các ngành chế biến thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm ...

MARGARINE

BƠ THỰC VẬT



Margarine (bơ thực vật) được chế biến từ các loại dầu thực vật tinh luyện. Margarine có hương thơm ngọt, giàu Vitamin, được sử dụng phổ biến dùng để làm bánh, làm bông bánh kem, chiên thực phẩm ... cho hương vị thơm ngon rất độc đáo hoặc ăn trực tiếp với bánh mì.

Shortening



Là loại dầu thực vật ở dạng đặc được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến thực phẩm (sản xuất bánh kẹo, mì ăn liền, chế biến cafe ...)

Olive Oil



Là sản phẩm mới của Tường An trong năm 2011, nguyên liệu được nhập khẩu hoàn toàn từ Tây Ban Nha, quốc gia sản xuất dầu Olive hàng đầu thế giới. Dầu Olive Tường An nguyên chất 100% được chiết xuất từ những trái Olive đạt tiêu chuẩn tốt nhất, lưu giữ các chất chống oxy hóa, vitamin A&E, hợp chất Phenolic giúp ngăn chặn quá trình lão hóa, tốt cho da và tóc. Dầu Olive là sản phẩm chứa hàm lượng axit béo chưa bão hòa Omega -3,6,9 rất cao có tác dụng làm giảm Cholesterol trong máu phòng ngừa các bệnh tim mạch, tai biến mạch máu não...

Bên cạnh việc sử dụng dầu Olive để trộn salad, ướp thịt cá làm gia vị, dầu Olive còn được sử dụng làm nguyên liệu trong các mỹ phẩm giúp phục hồi da, tóc làm đẹp cho phụ nữ.

Sản phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh tối màu, lưu giữ và bảo quản tốt các vi chất có lợi cho sức khỏe.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Tặng quà tết trẻ em tại Trung Tâm Nuôi Dưỡng trẻ em Tam Bình Thủ Đức

Đi đôi với việc xây dựng thương hiệu, phát triển sản xuất Tường An cũng rất quan tâm đến công tác xã hội và các hoạt động vì cộng đồng, nhiều hoạt động có ý nghĩa nối tiếp nhau đã được Tường An cùng các cơ quan đoàn thể phối hợp thực hiện, cụ thể như:

- Phong trào vệ sinh ATTP trong kinh doanh bằng việc trang bị nón, tạp dề cho tiểu thương tại các chợ.
- Hướng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.
- Ủng hộ học sinh dân tộc nội trú Suối Giàng (Yên Bái). Đặc biệt ý nghĩa trong chuỗi những hoạt động cộng đồng là chương trình từ thiện, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn trong cuộc sống xã hội được Tường An quan tâm thể hiện bằng những việc làm hết sức thiết thực như:
 - Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Trung Tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ trẻ em Tam Bình nhân dịp tết và ngày Quốc tế thiếu nhi.
 - Hỗ trợ các huyện nghèo tỉnh Lào Cai, Nghệ An ...

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho gia đình gặp khó khăn Phường 15, Quận Tân Bình.

- Quyên góp ủng hộ CBCNV trong Công ty gặp hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo...

Bên cạnh đó, các hoạt động mang tính chất nâng cao kiến thức cho người dân, chăm lo cho cộng đồng như tài trợ chiến dịch uống Vitamin A do Trung tâm Dinh dưỡng TP HCM tổ chức; các hội thi nấu ăn, cắm hoa, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 tại Sở Tài nguyên môi trường TP HCM.

Thông qua các hoạt động hướng về cộng đồng, xã hội trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Tường An đã thể hiện quyết tâm gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh của mình với việc nâng cao chất lượng cuộc sống, hướng đến sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Đó cũng là một định hướng tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.



Activation tại Chợ Tân Định



Học sinh trường Trần Hữu Trang tham quan NMD Phú Mỹ



Tài trợ phát thuốc và khám bệnh miễn phí cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại Bình Phước



Tài trợ Mùa Xuân Hương Về Hà Giang



Tài trợ Tết làm điều hay



Tài trợ chương trình uống Vitamin A

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 17 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)




Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV


Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	96.799.000.000	51,00
Các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00
Cộng	189.802.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38 153 950 – 83 153 972 - 83 153 941 - 8 3151 102
Fax : (84.8) 38 153 649 - 38 157 095
Website : www.tuongan.com.vn
E-mail : tuongan@tuongan.com.vn
Mã số thuế : 0303498754

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy dầu Tường An	48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Chi nhánh tại Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
VPĐD tại TP Hà Nội	Ô6, Lô 10, Khu DD Đền Lừ 1, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
VPĐD tại TP Đà Nẵng	08 Mai Hắc Đế, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
VPĐD Miền Tây	Khu DC 91B, KV 6, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng; Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt); Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010 là 37.945.903.000 VND, trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty là 1.756.000.000 VND và trích bổ sung thêm 2% quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010 là 1.753.273.861 VND theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2011.

Ngoài ra, Công ty cũng trích lập quỹ từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 căn cứ vào điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm với tỷ lệ trích của các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : 5% lợi nhuận sau thuế

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-
Ông Huỳnh Văn Nhớ	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	-
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	26 tháng 4 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Tích Vinh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	-
Bà Ngô Bạch Mai	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	-

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	30 tháng 12 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Dương Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	31 tháng 01 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.


Thay mặt Hội đồng quản trị,

Đoàn Tấn Nghiệp
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		767.759.782.649	679.614.401.465
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	103.697.565.833	122.472.958.201
1.	Tiền	111		50.697.565.833	66.972.958.201
2.	Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	55.500.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.772.175.566	54.827.960.386
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	55.778.379.433	42.397.377.848
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	473.748.000	1.415.520.925
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	10.520.048.133	11.015.061.613
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		573.917.640.748	473.806.515.476
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	573.917.640.748	473.806.515.476
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.372.400.502	28.506.967.402
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	453.150.008	138.364.999
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.437.237.110	15.541.363.719
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	12.452.013.384	12.802.198.684
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		30.000.000	25.040.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.247.924.883	264.560.202.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		260.918.580.915	261.632.037.918
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	217.495.228.587	226.750.014.640
<i>Nguyên giá</i>	222		436.102.395.546	419.119.731.797
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(218.607.166.959)	(192.369.717.157)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	26.427.525.203	18.361.835.983
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	24.145.860.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.063.356.935)	(5.784.024.155)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	16.995.827.125	16.520.187.295
Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.248.000.000	1.728.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(576.000.000)	(96.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.081.343.968	1.200.164.425
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.081.343.968	1.200.164.425
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.031.007.707.532	944.174.603.808

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		678.798.983.677	574.466.502.262
I.	Nợ ngắn hạn	310		645.675.866.316	520.277.754.197
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	272.831.857.473	169.852.335.215
2.	Phải trả người bán	312	V.15	318.835.838.399	285.816.606.461
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.16	1.582.745.337	6.098.385.465
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	15.771.360.283	17.822.506.678
5.	Phải trả người lao động	315	V.18	14.126.028.846	15.317.836.371
6.	Chi phí phải trả	316	V.19	3.041.801.646	581.063.632
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	14.850.335.734	19.704.250.179
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	4.635.898.598	5.084.770.196
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		33.123.117.361	54.188.748.065
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	32.958.217.648	54.007.817.648
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	164.899.713	180.930.417
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.208.723.855	369.708.101.546
I. Vốn chủ sở hữu	410		352.208.723.855	369.708.101.546
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	101.227.265.504	98.704.076.433
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	8.102.230.959	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	7.116.506.544	5.854.912.009
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	45.960.720.848	67.244.882.145
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.031.007.707.532	944.174.603.808

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.657.147.000		4.753.740.000	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1.002.028,37		1.133.918,70	
Euro (EUR)		1,22		1,22	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	4.442.782.680.548	3.260.828.137.696
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	10.443.255.402	3.772.056.329
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	4.432.339.425.146	3.257.056.081.367
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	4.099.689.843.520	2.872.031.223.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		332.649.581.626	385.024.857.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	4.492.772.557	3.504.827.254
7. Chi phí tài chính	22	VL4	53.486.856.134	30.619.695.964
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.901.734.801	18.298.564.407
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	204.263.497.259	207.216.783.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	52.614.754.044	48.830.153.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.777.246.746	101.863.051.517
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.855.152.992	2.319.770.181
12. Chi phí khác	32	VL8	60.621.462	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.794.531.530	2.319.770.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.571.778.276	104.182.821.698
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.221.067.114	16.433.003.267
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	118.820.457	86.125.380
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.231.890.705	87.663.693.051
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	1.329	4.619

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.571.778.276	104.182.821.698
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	28.655.207.623	28.068.929.561
- Các khoản dự phòng	03	V.12	480.000.000	(115.200.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	206.732.372	459.751.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(1.927.037.763)	(3.244.520.020)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41.901.734.801	18.298.564.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.888.415.309	147.650.347.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.505.999.382)	(39.714.648.195)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(100.111.125.272)	(273.763.622.687)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.098.432.942	108.712.074.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(314.785.009)	24.915.001
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41.513.419.288)	(18.069.663.595)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(2.870.881.814)	(1.719.649.894)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.300.000	207.287.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.221.039.994)	(1.608.033.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.549.102.508)	(78.280.994.428)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27.981.615.052)	(25.615.517.252)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		487.893.635	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	60.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.490.144.671	3.302.818.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.003.576.746)	(22.252.698.788)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	2.329.759.991.939	793.492.887.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(2.247.830.069.681)	(679.910.552.208)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(37.945.903.000)	(26.563.642.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.984.019.258	87.018.693.215
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(18.568.659.996)	(13.515.000.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	122.472.958.201	136.447.709.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(206.732.372)	(459.751.424)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	103.697.565.833	122.472.958.201

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 800 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 825 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật	5%	Mức trích lập cộng dồn qua các năm không vượt quá 10% vốn điều lệ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2010	:	18.932 VND/USD
	31/12/2011	:	20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.607.942.239	923.808.401
Tiền gửi ngân hàng	49.089.623.594	66.049.149.800
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	53.000.000.000	55.500.000.000
Cộng	103.697.565.833	122.472.958.201

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

Khoản ứng trước hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.666.667	27.802.778
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	667.775.047
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.868.068.788	10.312.388.048
Các khoản phải thu khác	-	7.095.740
Cộng	10.520.048.133	11.015.061.613

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	344.163.455.201	199.821.397.268
Công cụ, dụng cụ	370.181.663	300.320.627
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.424.871.107	98.009.781.062
Thành phẩm	172.493.095.243	171.312.281.508
Hàng hóa	1.466.037.534	4.362.735.011
Cộng	573.917.640.748	473.806.515.476

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	138.364.999	163.280.000
Chi phí phát sinh trong năm	879.052.406	422.075.377
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(564.267.397)	(446.990.378)
Số cuối năm	453.150.008	138.364.999

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	144.429.374.769	266.114.199.862	5.856.986.435	2.719.170.731	419.119.731.797
Tăng trong năm	10.344.313.334	6.885.023.747	1.041.549.000	12.500.000	18.191.969.828
Mua sắm mới	-	770.200.000	1.041.549.000	12.500.000	1.824.249.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.252.897.081	6.114.823.747	-	-	16.367.720.828
Tăng do phân loại lại	91.416.253	-	-	-	91.416.253
Giảm trong năm	(367.607.239)	(933.115.093)	-	-	(1.209.306.079)
Thanh lý, nhượng bán	(367.607.239)	(810.682.234)	-	-	(1.178.289.473)
Giảm sau quyết toán XDCB	-	(31.016.606)	-	-	(31.016.606)
Giảm do phân loại lại	-	(91.416.253)	-	-	(91.416.253)
Số cuối năm	154.406.080.864	272.066.108.516	6.898.535.435	2.731.670.731	436.102.395.546
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.554.894.216	58.434.379.721	1.258.949.068	2.525.029.165	86.773.252.170
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	45.369.705.732	140.975.217.291	3.469.925.480	2.554.868.654	192.369.717.157
Tăng trong năm	9.981.398.306	16.704.818.649	689.514.782	91.559.359	27.467.291.096
Khấu hao trong năm	9.889.982.053	16.704.818.649	689.514.782	91.559.359	27.375.874.843
Tăng do phân loại lại	91.416.253	-	-	-	91.416.253
Giảm trong năm	(367.607.239)	(862.234.055)	-	-	(1.229.841.294)
Thanh lý, nhượng bán	(367.607.239)	(770.817.802)	-	-	(1.138.425.041)
Giảm do phân loại lại	-	(91.416.253)	-	-	(91.416.253)
Số cuối năm	54.983.496.799	156.817.801.885	4.159.440.262	2.646.428.013	218.607.166.959
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.059.669.037	125.138.982.571	2.387.060.955	164.302.077	226.750.014.640
Số cuối năm	99.422.584.065	115.248.306.631	2.739.095.173	85.242.718	217.495.228.587
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 319.783.965.808 VND và 197.643.239.826 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn và dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14 và V.22).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.625.860.138	520.000.000	24.145.860.138
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.345.022.000	-	9.345.022.000
Số cuối năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.264.024.155	520.000.000	5.784.024.155
Khấu hao trong năm	1.279.332.780	-	1.279.332.780
Số cuối năm	6.543.356.935	520.000.000	7.063.356.935
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.361.835.983	-	18.361.835.983
Số cuối năm	26.427.525.203	-	26.427.525.203
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy dầu Phú Mỹ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.298.957.807 VND và 15.738.955.889 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/h	11.276.393.489	9.975.465.094
Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T/ngày	3.629.506.524	3.611.324.706
Các công trình khác	2.089.927.112	2.933.397.495
Cộng	<u>16.995.827.125</u>	<u>16.520.187.295</u>

Tình hình biến động trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.520.187.295	25.160.898.790
Chi phí phát sinh trong năm	26.188.382.658	24.393.806.444
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(25.712.742.828)	(33.034.517.939)
Số cuối năm	<u>16.995.827.125</u>	<u>16.520.187.295</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì đầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	96.000.000	211.200.000
Trích lập dự phòng trong năm	480.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(115.200.000)
Số cuối năm	<u>576.000.000</u>	<u>96.000.000</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.200.164.425	1.286.289.805
Hoàn nhập trong năm	(118.820.457)	(86.125.380)
Số cuối năm	<u>1.081.343.968</u>	<u>1.200.164.425</u>



14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	251.155.057.473	147.548.335.215
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>	<i>135.980.824.477</i>	<i>99.979.176.885</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>115.174.232.996</i>	<i>47.569.158.330</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	21.676.800.000	22.304.000.000
Cộng	<u>272.831.857.473</u>	<u>169.852.335.215</u>

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11313001/HĐTĐHM ngày 05 tháng 01 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay: 220.000.000.000 VND
- Thời gian vay: không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
- Lãi suất vay: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh + biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sàn lãi suất cho vay VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo: Tin chấp

(ii) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000761 ngày 28 tháng 07 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND
- Thời gian vay: 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0,4 lít, 0,2 lít.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	147.548.335.215	22.304.000.000	169.852.335.215
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.329.759.991.939	-	2.329.759.991.939
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	-	21.049.600.000	21.049.600.000
Tăng do chênh lệch tỷ giá	2.904.294.412	-	2.904.294.412
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(2.229.057.564.093)</u>	<u>(21.676.800.000)</u>	<u>(2.250.734.364.093)</u>
Số dư cuối năm	<u>251.155.057.473</u>	<u>21.676.800.000</u>	<u>272.831.857.473</u>

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	249.584.016.938	257.089.407.926
Các nhà cung cấp khác	69.251.821.461	28.727.198.535
Cộng	318.835.838.399	285.816.606.461

16. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	2.679.558.469	16.943.096.227	(18.798.691.532)	823.963.164
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.312.388.048	115.573.528.231	(116.017.847.491)	9.868.068.788
Thuế xuất, nhập khẩu	4.390.571.889	48.245.365.144	(48.114.311.217)	4.521.625.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.802.198.684)	3.221.067.114	(2.870.881.814)	(12.452.013.384)
Thuế thu nhập cá nhân	439.838.272	3.285.319.287	(3.167.605.044)	557.552.515
Tiền thuế đất	-	499.761.250	(499.761.250)	-
Thuế tài nguyên	150.000	1.850.000	(1.850.000)	150.000
Thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	5.020.307.994	187.777.987.253	(189.478.948.348)	3.319.346.899

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

■ ■ ■ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.571.778.276	104.182.821.698
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.327.056.511	15.341.756.467
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(14.177.915.836)</u>	<u>(4.340.313.803)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	15.720.918.951	115.184.264.362
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	3.930.229.738	28.796.066.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	<u>(709.162.624)</u>	<u>(12.363.062.824)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>3.221.067.114</u>	<u>16.433.003.267</u>

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	849.727.981	461.412.468
Chi phí trích trước khác	<u>2.192.073.665</u>	<u>119.651.164</u>
Cộng	<u>3.041.801.646</u>	<u>581.063.632</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	1.434.798.351	-
Kinh phí công đoàn	1.018.082.420	620.226.640
Cổ tức phải trả	84.050.000	69.553.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	204.000.000	5.987.959.796
Các khoản phải trả khác	12.109.404.963	13.026.510.743
<i>Trong đó, chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	<u>12.057.374.285</u>	<u>12.990.790.064</u>
Cộng	<u>14.850.335.734</u>	<u>19.704.250.179</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
		lập từ lợi nhuận			
Quỹ khen thưởng	2.997.662.143	2.008.906.819	1.000.000	(2.708.038.000)	2.299.530.962
Quỹ phúc lợi	2.087.108.053	1.005.961.578	300.000	(757.001.994)	2.336.367.637
Cộng	5.084.770.196	3.014.868.396	1.300.000	(3.465.039.994)	4.635.898.598

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + 2%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay gồm toàn bộ Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ (xem thuyết minh số V.8 và V.9)	29.855.817.648	49.759.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,4%/năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là một dây chuyền chiết dầu chai tự động, công suất 5.000 chai/giờ	3.102.400.000	4.248.000.000
Cộng	32.958.217.648	54.007.817.648

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	21.049.600.000	22.304.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	32.958.217.648	54.007.817.648
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	54.007.817.648	76.311.817.648

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	54.007.817.648	77.853.817.648
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	6.648.000.000
Số tiền vay thanh toán trong năm	-	(8.190.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(21.049.600.000)	(22.304.000.000)
Tổng nợ	<u>32.958.217.648</u>	<u>54.007.817.648</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	180.930.417	-
Số trích lập trong năm	601.427.871	526.504.392
Số chi trong năm	(617.458.575)	(345.573.975)
Số cuối năm	<u>164.899.713</u>	<u>180.930.417</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 37.945.903.000 VND (năm trước là 26.563.642.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.980.200</i>	<i>18.980.200</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.980.200</i>	<i>18.980.200</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.442.782.680.548	3.260.828.137.696
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>18.380.667.334</i>	<i>14.796.679.555</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.424.402.013.214</i>	<i>3.246.031.458.141</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.443.255.402)	(3.772.056.329)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(9.056.282.960)</i>	<i>(1.691.001.090)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.386.972.442)</i>	<i>(2.081.055.239)</i>
Doanh thu thuần	<u>4.432.339.425.146</u>	<u>3.257.056.081.367</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>18.380.667.334</i>	<i>14.796.679.555</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>4.413.958.757.812</i>	<i>3.242.259.401.812</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	19.134.026.657	14.627.750.942
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.080.555.816.863	2.857.403.472.765
Cộng	<u>4.099.689.843.520</u>	<u>2.872.031.223.707</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.479.008.560	3.244.520.020
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.013.763.997	259.406.754
Chiết khấu thanh toán	-	900.480
Cộng	<u>4.492.772.557</u>	<u>3.504.827.254</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.901.734.801	18.298.564.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.598.600.671	11.976.580.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.732.372	459.751.424
Dự phòng giảm giá chứng khoán	480.000.000	(115.200.000)
Chi phí tài chính khác	299.788.290	-
Cộng	<u>53.486.856.134</u>	<u>30.619.695.964</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.812.992.756	17.172.253.898
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	822.039.526	660.560.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.098.013	72.660.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.616.768.816	28.477.365.884
Chi phí khác	151.710.598.148	160.833.943.455
Cộng	<u>204.263.497.259</u>	<u>207.216.783.704</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	18.964.568.886	18.778.481.957
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	853.296.787	1.184.340.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	738.743.618	907.636.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.603.974.364	22.877.436.864
Chi phí khác	8.454.170.389	5.082.257.390
Cộng	<u>52.614.754.044</u>	<u>48.830.153.729</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế nhập khẩu	245.446.353	384.158.669
Thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	1.722.223.039
Thu bồi thường hợp đồng	156.759.707	52.407.132
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	862.014.684	-
Thu thanh lý TSCĐ	493.727.272	-
Thu nhập khác	97.204.976	160.981.341
Cộng	<u>1.855.152.992</u>	<u>2.319.770.181</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	39.864.432	-
Chi phí thanh lý	5.833.637	-
Chi phí khác	14.924.393	-
Cộng	<u>60.621.462</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.231.890.705	87.663.693.051
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.231.890.705	87.663.693.051
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.329</u>	<u>4.619</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.562.907.056.850	4.239.247.427.149
Chi phí nhân công	88.415.175.512	87.271.814.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.655.207.623	28.068.929.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.590.824.722	86.388.979.060
Chi phí khác	167.930.343.101	172.882.705.832
Cộng	<u>5.952.498.607.808</u>	<u>4.613.859.856.455</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.249.328.000	4.560.458.000
Tiền thưởng	768.390.000	11.400.000
Cộng	<u>5.017.718.000</u>	<u>4.571.858.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</i>		
Bán thành phẩm	912.000.000	3.940.569.600
Mua nguyên liệu	2.620.785.817.850	2.317.487.198.220
<i>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</i>		
Mua nguyên liệu, bao bì, chi phí gia công phải trả	6.551.611.679	10.779.016.967

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Mua nguyên liệu	249.584.016.938	257.089.407.926
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	270.750.920	844.794.236
Cộng nợ phải trả	<u>249.854.767.858</u>	<u>257.934.202.162</u>

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	499.761.250	925.761.250
Trên 1 năm đến 5 năm	1.999.045.000	2.575.045.000
Trên 5 năm	13.383.491.750	13.883.253.000
Cộng	<u>15.882.298.000</u>	<u>17.384.059.250</u>

Công ty thuê đất tại Nhà máy dầu Tường An (Tân Bình) và Nhà máy dầu Vinh (Nghệ An) dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh dầu đặc: chủ yếu cung cấp các sản phẩm dầu công nghiệp.
- Kinh doanh dầu chiên xào: cung cấp sản phẩm thiết yếu để tiêu dùng hàng ngày.
- Kinh doanh dầu cao cấp: sản phẩm có độ dinh dưỡng cao.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ m bên ngoài	202.188.246.922	3.887.693.998.480	268.319.427.575	74.137.752.169	4.432.339.425.146
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>202.188.246.922</u>	<u>3.887.693.998.480</u>	<u>268.319.427.575</u>	<u>74.137.752.169</u>	<u>4.432.339.425.146</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.922.224.624	63.520.381.579	28.381.073.553	19.562.404.611	128.386.084.367
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(52.614.754.044)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>75.771.330.323</u>
Doanh thu hoạt động tài chính					4.492.772.557
Chi phí tài chính					(53.486.856.134)
Thu nhập khác					1.855.152.992
Chi phí khác					(60.621.462)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.221.067.114)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(118.820.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>25.231.890.705</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	236.361.028.158	2.743.955.923.934	212.666.355.586	64.072.773.689	3.257.056.081.367
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>236.361.028.158</u>	<u>2.743.955.923.934</u>	<u>212.666.355.586</u>	<u>64.072.773.689</u>	<u>3.257.056.081.367</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.993.967.409	142.501.487.156	35.450.675.939	(14.138.056.547)	177.808.073.956
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(48.830.153.729)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>128.977.920.227</u>
Doanh thu hoạt động tài chính					3.504.827.254
Chi phí tài chính					(30.619.695.964)
Thu nhập khác					2.319.770.181
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.433.003.267)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					<u>(86.125.380)</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>87.663.693.051</u>

Các tài sản của Công ty được dùng chung để sản xuất các sản phẩm. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty không theo dõi nợ phải trả cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.697.565.833	122.472.958.201	103.697.565.833	122.472.958.201
Phải thu khách hàng	55.778.379.433	42.397.377.848	55.778.379.433	42.397.377.848
Các khoản phải thu khác	651.979.345	702.673.565	651.979.345	702.673.565
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.248.000.000	1.728.000.000	1.248.000.000	1.728.000.000
Cộng	161.375.924.611	167.301.009.614	161.375.924.611	167.301.009.614
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	305.790.075.121	223.860.152.863	305.790.075.121	223.860.152.863
Phải trả người bán	318.835.838.399	285.816.606.461	318.835.838.399	285.816.606.461
Các khoản phải trả khác	31.164.983.519	35.163.853.959	31.164.983.519	35.163.853.959
Cộng	655.790.897.039	544.840.613.283	655.790.897.039	544.840.613.283

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8, V.9, V.14 và V.22). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	85.343.701.643	97.735.859.248
Máy móc thiết bị	112.299.538.183	123.865.836.217
Quyền sử dụng đất	15.738.955.889	16.863.167.021
Cộng	<u>213.382.195.715</u>	<u>238.464.862.486</u>

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty chỉ cấp tín dụng cho khách hàng sau khi đã kiểm tra khả năng thanh toán của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu khách hàng phải có giấy bảo lãnh của ngân hàng (trừ việc chấp nhận tín chấp cho một số khách hàng có uy tín như các công ty và các siêu thị). Trong công tác quản lý công nợ, kế toán thanh toán luôn theo dõi và thông báo cho các khách hàng các khoản nợ đến hạn theo định kỳ và hợp đồng đã ký kết. Trên cơ sở này và khoản phải thu liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	305.256.186.405	41.854.015.913	347.110.202.318
Phải trả người bán	318.835.838.399	-	318.835.838.399
Các khoản phải trả khác	31.000.083.806	164.899.713	31.164.983.519
Cộng	655.092.108.610	42.018.915.626	697.111.024.236
Số đầu năm			
Vay và nợ	186.384.985.132	76.886.109.219	263.271.094.351
Phải trả người bán	285.816.606.461	-	285.816.606.461
Các khoản phải trả khác	34.982.923.542	180.930.417	35.163.853.959
Cộng	507.184.515.135	77.067.039.636	584.251.554.771

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và phải trả người bán ngắn hạn. Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ cho sản xuất. Để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá hối đoái Công

**BỔ sung
Vitamin
A&D**

Season
PREMIUM EDIBLE OIL

Cuộc sống đẹp biết bao!



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

ty đã sử dụng các hợp đồng quyền mua ngoại tệ để mua một số lượng ngoại tệ với một tỷ giá cố định tại thời điểm thanh toán tiền mua hàng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần về ngoại tệ không lớn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường và đàm phán với các Ngân hàng để có được các lãi suất có lợi nhất cho các khoản vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.898.281.343 VND (năm trước giảm/tăng 3.840.963.323 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi vì nhu cầu vốn cho sản xuất tăng.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	67.878.225.888	8.102.230.959	1.471.727.356	23.686.207.705	290.940.391.908
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	87.663.693.051	87.663.693.051
Trích lập các quỹ năm trước	-	8.766.369.305	-	4.383.184.653	(17.532.738.611)	(4.383.184.653)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm năm trước	-	22.059.481.240	-	-	-	22.059.481.240
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(26.572.280.000)	(26.572.280.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	25.231.890.705	25.231.890.705
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	2.523.189.071	-	1.261.594.535	(6.799.652.002)	(3.014.868.396)
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm	-	-	-	-	(1.756.000.000)	(1.756.000.000)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(37.960.400.000)	(37.960.400.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	45.960.720.848	352.208.723.855

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY KHÁC VÀ CÔNG TY NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY.

1. Đầu tư cổ phiếu vào cổ phiếu của Công ty VMPACK.

Công ty đã thực hiện đầu tư 1.920.000.000 đồng vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) chiếm tỷ lệ 2,4% vốn chủ sở hữu.

Tên công ty: Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK).

Địa chỉ: Lô 6-12 Khu F, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu ngành bao bì; dịch vụ thương mại, in bao bì.

Vốn cổ phần: 80 tỷ đồng.

Giấy CN đăng ký KD số: 4103001186 ngày 09/09/2002

Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (năm 2002).

Tỷ lệ cổ phiếu Tường An sở hữu: 2,4% vốn chủ sở hữu.

Giá giao dịch tại ngày 31/12/2011: 6.500 đồng/cổ phần

Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) đã niêm yết cổ phiếu lên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2006.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 của VMPACK đề nghị Quý nhà đầu tư tham khảo tại địa chỉ website: <http://www.vmpack.com>.

2. Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Tổng Công ty công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (VOCARIMEX) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập lại từ Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương và Quyết định số 3006/QĐ-BCT ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc chuyển Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam thành Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – công ty TNHH một thành viên.

Vocarimex là Công ty mẹ nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Cty TNHH một thành viên (Vocarimex)

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 674,533 tỷ đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa, các sản phẩm từ cây có dầu; chế biến lương thực, thực phẩm (xay sát lúa mỳ, mỳ ăn liền, bánh kẹo, sữa); sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát; sản xuất kinh doanh các loại bao bì; chế biến thức ăn chăn nuôi; xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty; cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc; khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật các loại hàng hoá, dịch vụ khác; đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu; kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Số cổ phần đang nắm giữ tại TAC: 9.679.902 cổ phần

TÔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Giới thiệu về HĐQT:



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ông Đoàn Tấn Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 04/5/1951

Quê quán: Quảng Ngãi

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 213/6 Nguyễn Xi, P 13, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa

Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.

Phó tổng GD Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – VINA.

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bao bì Dầu thực vật.



Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 17/1/1962

Quê quán: Sài Gòn

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 156E Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Q 1, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.

Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Tổng Cty Công nghiệp Dầu TV VN (Vocarimex)

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.



Ông Hà Bình Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 10/9/1959

Quê quán: Hà Nam Ninh

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P 11, Quận 5, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân kinh tế.

Đại diện vốn Nhà nước tại Tường An.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ông Dương Tiến Đức - Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày tháng năm sinh: 10/01/1956
Quê quán: Hà Tây
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 53 Huỳnh Khương An, P5, Quận Gò Vấp, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cao đẳng ngành Cơ khí chế tạo máy
Phó tổng Giám đốc đầu tư - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



Ông Huỳnh Văn Nhở - Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày tháng năm sinh: 30/01/1965
Quê quán: Cẩm Sơn, Mộ Cây, Bến Tre
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 97E/23 Quang Trung, P 11, Quận Gò Vấp, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành Điện Công nghiệp
Giám đốc Nhà máy dầu Phú Mỹ - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



TỜ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2. Giới thiệu Ban Kiểm soát:



(1)

(2)

(3)

(1) Ông Văn Tích Vĩnh – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 18/8/1956
Quê quán: Vĩnh Long
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 7 Nguyễn Duy Dương, P 8, Quận 5, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kiểm soát viên Nhà nước - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)
Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK)

(2) Bà Ngô Bạch Mai – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 14/4/1968
Quê quán: Cà mau
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 6/16A Tân Hóa, P1, Quận 11, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân kinh tế
Trưởng phòng Cung ứng xuất nhập khẩu - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An

(3) Ông Nguyễn Đức Thuyết – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 8/9/1966
Quê quán: Quảng Ngãi
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 14/14A Đường số 8, P 17, Quận Gò Vấp, TP HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Phó phòng kế toán - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).
Trưởng Ban kiểm - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3. Giới thiệu Ban Tổng giám đốc:



Ông Hà Bình Sơn - Tổng Giám Đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh: 10/9/1959

Quê quán: Hà Nam Ninh

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P 11, Quận 5, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân kinh tế.



Ông Dương Tiến Đức - Phó tổng Giám đốc đầu tư

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1956

Quê quán: Hà Tây

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 53 Huỳnh Khương An, P5, Quận Gò Vấp, TPHCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cao đẳng ngành Cơ khí chế tạo máy



Ông Nguyễn Văn Lùng – Phó tổng giám đốc kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1969

Quê quán: Tây Ninh

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1/59 Cầu xéo, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Ông Vũ Đức Thịnh – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 23/02/1972

Quê quán: Hải Phòng

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 123A/5 Nguyễn Ảnh Thủ, Hóc Môn, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là một tổ chức thống nhất gồm Văn phòng Công ty, 3 nhà máy, 1 chi nhánh và 3 văn phòng đại diện. Việc điều hành và các quyết định quan trọng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại văn phòng.

Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

VĂN PHÒNG CÔNG TY



1. Báo cáo quản trị:

Tường An xác định quản trị doanh nghiệp tốt và hiệu quả là nền tảng quan trọng cho sự phát triển cho doanh nghiệp hiện tại cũng như trong tương lai. Báo cáo này trình bày những nguyên tắc quản trị doanh nghiệp của Tường An theo hướng dẫn của Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên TTCK và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các vấn đề chung về Hội đồng quản trị.

Quy mô và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2011 bao gồm 5 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bầu chọn lại và bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp tại cuộc họp bất thường hoặc thường niên của Đại hội đồng cổ đông hằng năm hoặc ít nhất là 5 năm một lần.

Sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty, đề điều hành công việc hàng ngày được thuận lợi và hiệu quả, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện việc ủy quyền thông qua các văn bản ủy quyền và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của Công ty và pháp luật như sau:

- Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- Ủy quyền cho Giám đốc các Nhà máy, Chi nhánh theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành trong việc giải quyết các công việc của các Nhà máy, chi nhánh.

Phân cấp quản lý

Công ty áp dụng chế độ phân cấp quản lý và mức độ phê duyệt đối với các với từng vị trí và quy định các mức thẩm quyền cho từng bộ phận nghiệp vụ cụ thể.

Họp và tham dự các cuộc họp của HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT được gửi bằng thư mời hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại. Mỗi thành viên HĐQT được quyền có ý kiến và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Tổng số cuộc họp HĐQT trong năm 2011: 92 lần, trong đó họp tập trung có 4 cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản 88 lần.

HĐQT gồm các thành viên sau:

Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhỏ	Thành viên

Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty. Việc đại diện pháp luật của Công ty được sự phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2008 của Công ty.

Thư ký của Công ty bao gồm:

Ông Vũ Đức Thịnh

Kế toán trưởng

Ông Trương Huỳnh Bích

Chuyên viên tài chính

Bà Lê Yến Nga

Chuyên viên mua hàng

Thông tin cổ phần và cổ đông

- Tổng số cổ phần phổ thông : 18.982.000
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành : Không có
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 18.982.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại : Không có

BIỂU ĐỒ GIÁ GIAO DỊCH, KHỐI LƯỢNG CỦA CỔ PHIẾU TAC NĂM 2011



Cơ cấu cổ đông

Stt	Diễn giải	31/12/2011
1	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam	51%
2	Cổ đông nước ngoài	4,2%
3	Cổ đông trong nước (trừ Vocarimex)	44,8%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

Stt	Diễn giải	31/12/2010	Thay đổi trong năm	31/12/2011
Hội đồng quản trị				
1	Đoàn Tấn Nghiệp	104.100	0	104.100
2	Nguyễn Hùng Cường	15.000	0	15.000
3	Hà Bình Sơn	1.500	0	1.500
4	Dương Tiến Đức	0	0	0
5	Huỳnh Văn Nhơ	10.670	0	10.670
Ban kiểm soát				
1	Văn Tích Vĩnh	0	0	0
2	Nguyễn Đức Thuyết	200	0	200
3	Ngô Bạch Mai	3.850	0	3.850
Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng				
1	Nguyễn Văn Lùng	1.070	0	1.070
2	Vũ Đức Thịnh	10.000	0	10.000

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

Stt	Diễn giải	31/12/2010	Thay đổi trong năm	31/12/2011
1	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)	51%	-	51%

Chính sách thù lao

Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của HĐQT trong năm 2011 như sau:

Hội đồng quản trị	Mức thù lao hàng tháng
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	6 triệu
Ông Nguyễn Hùng Cường	4 triệu
Ông Hà Bình Sơn	4 triệu
Ông Dương Tiến Đức	4 triệu
Ông Huỳnh Văn Nhở	4 triệu
Ban kiểm soát	Mức thù lao hàng tháng
Ông Văn Tích Vĩnh	4 triệu
Ông Nguyễn Đức Thuyết	2 triệu
Bà Ngô Bạch Mai	2 triệu
Thư ký HĐQT	Mức thù lao hàng tháng
Ông Vũ Đức Thịnh	3 triệu
Ông Trương Huỳnh Bích	2 triệu
Bà Lê Yến Nga	2 triệu

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch có liên quan

Hiện nay Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An có thực hiện mua nguyên liệu với Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex) là Công ty nắm giữ 51% vốn của Công ty.

Việc thực hiện giao dịch với Vocarimex được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, giá trị thực hiện được thể hiện trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011.

3. Quản trị rủi ro:

a. Kiểm soát nội bộ:

Tường An luôn đảm bảo xây dựng, duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và ngày càng hoàn thiện nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm với công việc của toàn thể thành viên của công ty tuân theo một nguyên tắc quản trị tốt nhất nhằm bảo vệ tài sản của Tường An và vốn đầu tư của cổ đông.

b. Rủi ro tỷ giá:

Vấn đề rủi ro tỷ giá giữa VNĐ và đồng ngoại tệ đặc biệt là USD được Tường An rất quan tâm.

c. Rủi ro về các khoản vay ngân hàng:

Hiện nay với thương hiệu và uy tín đã có thì vấn đề vay ngân hàng không phải là vấn đề khó đối với Tường An nhưng do các ngân hàng bị khống chế tỷ lệ tăng trưởng tín dụng hoặc lãi suất tăng quá cao cho nên đôi lúc gặp khó khăn trong việc thực hiện giải ngân và chi phí lãi vay tăng cao.

d. Rủi ro thanh toán của khách hàng:

Rủi ro mà Tường An có thể phải gánh chịu là khả năng khách hàng không có khả năng thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 giá trị nợ phải thu khách hàng thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Tường An luôn có những chính sách quản lý nợ phải thu một cách hiệu quả nhằm đảm bảo việc bán hàng được bán hàng cho những khách hàng có tình hình tài chính phù hợp. Vì vậy, hiện nay tại Tường An không có khoản nợ phải thu khó đòi. Năm 2011 công nợ phải thu cuối năm cao là do giá bán tăng cho nên để mua cùng số lượng hàng hóa như trước đây thì

phải cần một lượng tiền nhiều hơn.

e. Rủi ro quản lý của HĐQT và BGD:

Hiện nay công ty không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành nhưng sự thành công của Tường An một phần phụ thuộc vào kỹ năng, năng lực quản lý và sự cống hiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành.

Ngoài ra, Công ty chịu sự tác động của việc tuyển dụng và giữ nhân tài để kế thừa các vị trí trong HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Sự cạnh tranh về nhân sự có kỹ năng, năng lực quản lý cao, việc mất đi sự đóng góp của một hay nhiều nhân sự cấp cao mà không có đủ người thay thế hoặc không có khả năng thu hút nhân sự mới có năng lực với chi phí hợp lý sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và trong tương lai.

f. Rủi ro thị trường:

Giá nguyên liệu, hàng hóa thế giới chưa ổn định, vẫn biến động tăng giảm bất thường với biên độ lớn. Ngoài ra việc ảnh hưởng của tỷ giá USD/VND cũng là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại Tường An hiện nay.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các nhãn hàng đầu thực vật mới, tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

4. Quan hệ Nhà đầu tư:

Tường An luôn duy trì kênh thông tin cung cấp thông tin cho nhà đầu tư thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm và thông qua các cuộc gặp của lãnh đạo và các bộ phận có trách nhiệm cung cấp thông tin của công ty với các cổ đông.

Ngoài những thông tin cung cấp theo quy định của Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Tường An cũng cung cấp những thông tin có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi phát sinh.

Tường An duy trì và cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng của Công ty trên Website của Tường An tại địa chỉ www.tuongan.com.vn và được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác như báo chí, website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và các trên các website của các tổ chức cung cấp thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán...

Trong năm Tường An đã tiếp xúc với các nhà đầu tư là các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư để tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tường An luôn khuyến khích tất cả cổ đông và các chuyên gia phân tích có đánh giá trung thực và khách quan về tình hình hoạt động của công ty hiện tại cũng như trong tương lai, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên và phát biểu ý kiến và nhận xét của mình cho sự phát triển của công ty.







CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (84.8) 38153972 - 38153950 Fax: (84.8) 38153649

www.tuongan.com.vn

20thường niên

